

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/04/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+CTC1+RP3	7:25	8+9+4	0+0+0		0+10+0	0+0+0	
2		RP2+CTK3+PPD	7:25	19+2+1	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
3		TD2	7:25	16	0		19	0	
4		TD3+RC3+RC6	9:25	9+6+4	0+0+0		0+8+0	0+0+0	
5		RP2+BK5+CIO	9:25	21+0+1	0+0+0		19+2+0	0+0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: AMD - CTC1 - RP3	CREW: TTrung - Phong - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRẢI	AMD	08	1	10	18	65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HỒNG CƯỜNG	AMD	06-07	2	20		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÍNH	AMD	09-10	2	16	26	75	CODIEN	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG LỘC	AMD	04	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
5	HÀ MẠNH HOÀNG	AMD	11	1	9		71	CODIEN	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN GIANG	AMD	05	1	7		71	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ BA CƯỜNG	AMD	12-13	2	14		60	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN KIM TUÂN	AMD	93	1	7		91	CODIEN	Vietnamese
9	KHALIMOV A.A	CTC1	59	1	17		84	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	61	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG ANH HÙNG	CTC1	60	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯƠNG XUÂN THANH	CTC1	66	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI SY HIẾU	CTC1	65	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀU HUY HOÀNG	CTC1	64	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
15	TÀ NGỌC HIẾU	CTC1	62	1	4		65	XAYLAP	Vietnamese
16	DO VĂN ĐÀI	CTC1	63	1	5		80	NIPI	Vietnamese
17	NGUYỄN PHƯỚC DANH	CTC1	68	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
18	BUI VĂN QUỐC	CTC1	67	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
19	NGUYỄN VŨ HÙNG	RP3	15	1	14	125	80	CODIEN	Vietnamese
20	MAI XUÂN TƯỜNG	RP3	61	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN HỮU NGHỊ	RP3	60	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	8	11	95	569	44	0		
2	CTC1	10	10	68	694	0	10		
3	RP3	3	3	28	207	125	0		
TOTAL		21	24	191	1.470	169	10		
WEIGHT KG				191	1.470	169			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP2 - CTK3 - PPD	CREW: Hôi - ĐNam - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TARASENKO A.A	RP2	90	1	10		75	KH-THAC	Russian
2	PHAN TÂN TAI	RP2					60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	42	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	94-96	3	12		80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	98	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	23	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	40	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	22	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	91	1	5	80	67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	92-93	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ LAM	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	97	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LUƠNG NGỌC THANH	RP2	25	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC OANH	RP2	24	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ HỮU QUÂN	RP2	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN SAU	RP2	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CHI CÔNG	RP2	97	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG NGOC LAN	RP2	41	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	37-38	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	01	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	PHẠM ĐỨC CẢNH	CTK3	02	1	3		55	PSV	Vietnamese
22	LÊ QUANG HUY	PPD	84-86	2	17	35	70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	19	21	102	1.361	80	17		THAY CA ĐP CTK3 DANG THANH HOANG
2	CTK3	2	2	8	115	0	2		
3	PPD	1	2	17	70	35	3		
TOTAL		22	25	127	1.546	115	22		
WEIGHT KG				127	1.546	115			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:37
FLIGHT: 3	TO: TD2	CREW: CÔNG - Tường	ETA: 10:50
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	TD2	71	1	6	95	57	KH-THAC	Vietnamese
2	MAKSIMOV D.S	TD2	67	1	10		119	KH-THAC	Russian
3	BUI TRỌNG SƠN	TD2	74	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH TRÍ	TD2	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	KHÔNG THAI BÌNH	TD2	78	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CHÍNH	TD2	79	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY CÔNG	TD2	68	1	7		48	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TIẾN VINH	TD2	76	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG TUYẾN	TD2					63	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH TÙNG	TD2	70	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NAM	TD2	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ DUY ĐỨC	TD2	75	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HÙNG	TD2	72-73	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG SỸ THẬP	TD2	81	1	3		82	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN ĐẮC TUYÊN	TD2	69	1	8		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	15	80	1.057	95	19		
TOTAL		15	15	80	1.057	95	19		
WEIGHT KG				80	1.057	95			

GRAND TOAL: 1.232 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: TD3 - RC3 - RC6	CREW: TTrung - Phong - Huy	ETA: 11:40
XANH - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG THANH TÙNG	TD3	94	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
2	SHERBAKOV M.IU	TD3	100	1	7		98	KHOAN	Russian
3	ZHADOROZNY V.E	TD3	99	1	7		99	KHOAN	Russian
4	LE THANH THAI	TD3	29	1	12		100	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD3	98	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN SƠN	TD3	97	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
7	MAI THÈ HIỀN	TD3	96	1	12		84	KHOAN	Vietnamese
8	BUI QUANG TUYNH	TD3	31	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	TD3	95	1	11		79	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ LÊ TRUNG	RC3	43	1	4	8	67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ KHANH NAM	RC3	40-41	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THÈ MẠNH	RC3					79	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN HAI VIỆT	RC3	44	1	8	60	88	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG MINH KHANH	RC3	42	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN KHẮC THANH CHUNG	RC6	16	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN DŨNG	RC6	96-97	2	19		89	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TUẤN ANH	RC6	18	1	8	35	89	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH BÌNH	RC6	17	1	6		70	SCHLUMB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	9	9	75	753	0	0		
2	RC3	5	5	28	371	68	8		
3	RC6	4	5	43	313	35	0		
TOTAL		18	19	146	1.437	103	8		
WEIGHT KG				146	1.437	103			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: '5	TO: RP2 - BK5 - CLO	CREW: Hôi - ĐNam - MQUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	26	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	33	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	VÔ HOANG CAM	RP2	51	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BA DUY	RP2	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	28	1	4	40	66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH DŨNG	RP2	49	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC CHINH	RP2	27	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG MẠNH	RP2	30	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG QUANG	RP2	33	1	6		65	NIPI	Vietnamese
11	PHẠM ANH TỬ	RP2	44	1	5		80	GETRACO	Vietnamese
12	ĐÀO XUÂN THO	RP2	48	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
13	CAO DUY LŨNG	RP2	30	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY CẢNH	RP2	29	1	6		55	GETRACO	Vietnamese
15	VŨ MINH ĐỨC	RP2	45	1	5		56	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY TÂM	RP2	32	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
17	ĐOÀN QUYẾT THẮNG	RP2	34-35	2	7		69	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HAI	RP2	46	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CẢNH TÂN	RP2	47	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	MISHIN	RP2	31	1	10		100	NIPI	Russian
21	ĐẶNG THẾ ANH	RP2	34-36	3	17		60	NIPI	Vietnamese
22	LÊ XUÂN THẮNG	CLO	22-23	2	17	40	65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	21	23	127	1.454	40	19		
2	BK5	0	0	0	0	0	2		
3	CLO	1	2	17	65	40	0		
TOTAL		22	25	144	1.519	80	21		
WEIGHT KG				144	1.519	80			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN